ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 540/QĐ-ĐHQG	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở đào tạo đại học thành viên;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 622/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, Trưởng ban các ban chức năng có liên quan, Thủ trưởng các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học thành viên và đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ mở ngành đào tạo, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tâm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này bao gồm: quy định chung; điều kiện; trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo; tổ chức thực hiện mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo - CSĐT).

3. Quy định này áp dụng cho việc mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ gồm:

a) Các ngành đào tạo có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

b) Các ngành đào tạo chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (Danh mục ngành đào tạo) là danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) ban hành.

2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục ngành đào tạo.

3. Ngành đào tạo liên ngành là ngành mang tính tổng hợp kiến thức khoa học của nhiều ngành khác nhau.

4. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục ngành đào tạo. Các trường hợp đặc biệt:

a) Đối với ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên, ngành phù hợp là ngành chuyên môn tương ứng với ngành đào tạo giáo viên, hoặc ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (của ngành chuyên môn tương ứng).

b) Trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo.

c) Trường hợp ngành dự kiến mở là ngành đào tạo liên ngành, ngành phù hợp là ngành thuộc cùng nhóm ngành với một trong các ngành gốc.

d) Trường hợp ngành dự kiến mở được hình thành trên cơ sở tách ra từ một ngành theo yêu cầu của khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp, ngành phù hợp là ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành gốc.

đ) Các trường hợp khác do ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại CSĐT, cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 ngày 12 tháng 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại CSĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với CSĐT theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được CSĐT trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với CSĐT.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa

học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Điều 3. Mục tiêu của quy định mở ngành

1. Đảm bảo thực hiện mở ngành đào tạo theo định hướng, chủ trương chung của ĐHQG-HCM về phát triển ngành nghề đào tạo và theo sự phát triển của xã hội.

2. Thống nhất công tác xây dựng, thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành đào tạo tại ĐHQG-HCM.

3. Là cơ sở pháp lý cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát về mở ngành đào tạo tại CSĐT.

Chương II
ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Điều kiện chung

CSĐT phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, bao gồm:

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của CSĐT được ĐHQG-HCM phê duyệt.

b) Tên ngành đăng ký đào tạo có trong Danh mục ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT. Trường hợp tên ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục ngành đào tạo, CSĐT xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thí điểm cần thuyết minh:

- Căn cứ khoa học và thực tiễn hình thành ngành đào tạo mới (trên cơ sở tách ra từ một ngành hoặc kết hợp một số ngành theo yêu cầu phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp).

- Sự khác biệt tối thiểu là 30% về kiến thức và kỹ năng chuyên môn so với các ngành hiện có thuộc nhóm ngành dự kiến sắp xếp trong Danh mục ngành đào tạo.

- Có số liệu phân tích, đánh giá và dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được và khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo khác không đáp ứng được.

- Đã được đào tạo tại nhiều cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới hoặc đã được liệt kê ở ít nhất hai bảng phân loại các chương trình và ngành đào tạo thông dụng trên thế giới (trừ một số ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam).

c) Trường hợp khác do ĐHQG-HCM xem xét và quyết định.

2. Chương trình đào tạo phải đảm bảo

a) Chặt chẽ, khoa học, đảm bảo tính hệ thống, liên thông giữa các chương trình, ngành và trình độ đào tạo; tính mềm dẻo, linh hoạt trong quá trình đào tạo thông qua các

thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng nghề nghiệp; đồng thời đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục; phát huy thế mạnh của CSĐT.

b) Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, phù hợp với quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

c) Theo hướng tham khảo, tiếp cận và sử dụng các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Thể hiện tính thực tiễn, hiệu quả của chương trình đào tạo thông qua việc gắn kết, hợp tác hoạt động đào tạo của chương trình đào tạo với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

3. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo.

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các quy định sau:

- Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

- Riêng ngành đào tạo Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Đối với mở ngành đào tạo liên ngành, CSĐT sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực chung trong hệ thống ĐHQG-HCM để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

4. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc CSĐT phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. CSĐT đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. CSĐT phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Chủ trương mở ngành đào tạo

a) Hội đồng trường có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo đối với CSĐT có đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành.

b) Hội đồng ĐHQG-HCM có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo.

c) ĐHQG-HCM có văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với CSĐT chưa có đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

Điều 5. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

CSĐT mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành đào tạo liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 hoặc chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (theo quy định tại Danh mục ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

4. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo (theo quy định của Bộ GD&ĐT). Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy định này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và phải có kế hoạch,

phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

6. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

CSĐT mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục ngành đào tạo.

5. CSĐT không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ của CSĐT; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

CSĐT mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM để giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục ngành đào tạo.

5. CSĐT không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của CSĐT; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 8. Trình tự, thủ tục xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Giám đốc ĐHQG-HCM/Thủ trưởng CSĐT chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo. Nội dung đề xuất chủ trương mở ngành

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của CSĐT, phù hợp với sứ mạng và chiến lược của CSĐT, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

b) Về năng lực của CSĐT: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của CSĐT đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

2. Thẩm định chủ trương mở ngành

a) Hội đồng khoa học và đào tạo của CSĐT tổ chức thẩm định chủ trương mở ngành đào tạo theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này đối với CSĐT có đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành.

b) Hội đồng khoa học và đào tạo của ĐHQG-HCM tổ chức thẩm định chủ trương mở ngành theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này đối với CSĐT chưa có đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, mở ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

3. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

a) Hiệu trưởng báo cáo trình hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với CSĐT có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành và báo cáo ĐHQG-HCM.

b) Giám đốc ĐHQG-HCM báo cáo trình Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo.

c) ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với CSĐT chưa có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

d) Phê duyệt chủ trương dựa trên các nội dung:

- Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của CSĐT, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả.

- Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 9. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo

1. Sau khi chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, Thủ trưởng CSĐT chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng Đề án mở ngành đào tạo.

2. Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phân công cho một CSĐT phù hợp phụ trách và các CSĐT liên quan khác phối hợp để xây dựng Đề án mở ngành đào tạo đối với các ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo.

3. Nội dung xây dựng Đề án mở ngành đào tạo bao gồm:

a) Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo.

b) Đề án mở ngành đào tạo:

- Trình độ đại học: theo hướng dẫn tại Phụ lục I.

- Trình độ thạc sĩ: theo hướng dẫn tại Phụ lục II.

- Trình độ tiến sĩ: theo hướng dẫn tại Phụ lục III.

c) Đối với các ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe, các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên, đề án mở ngành đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Điều 10. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đối với CSĐT có đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành.

2. Giám đốc ĐHQG-HCM ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đối với CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo.

- CSĐT nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của Quy định này và tổ chức Hội đồng thẩm định.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định

a) Chủ tịch: Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo.

b) Phó Chủ tịch: Trưởng/Phó Trưởng ban Ban Đào tạo ĐHQG-HCM.

c) Ủy viên phản biện: tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau (là giáo sư, hoặc phó giáo sư, hoặc tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành phù hợp), tối thiểu 01 ủy viên phản biện là đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học).

d) Ủy viên: Trưởng/Phó các Phòng/Ban chức năng có liên quan.

đ) Thư ký:

- Đối với CSĐT đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành: do CSĐT quy định.

- Đối với CSĐT chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo: chuyên viên Ban Đào tạo.

4. Các thành viên đã tham gia Hội đồng xây dựng/Tổ soạn thảo đề án mở ngành đào tạo hoặc đã tham gia đóng góp ý kiến cho đề án thì không được là thành viên Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

5. Số lượng Hội đồng thẩm định phải là số lẻ. Hội đồng không được tổ chức thẩm định trong các trường hợp sau: vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký, vắng mặt phản biện, vắng mặt từ 1/3 thành viên Hội đồng.

6. Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá nội dung đề án mở ngành đào tạo theo Phụ lục IV, Phụ lục V. Thư ký không viết nhận xét và đánh giá.

7. Chủ tịch Hội đồng thẩm định dựa trên các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và điểm đánh giá để kết luận đề án mở ngành đào tạo. Kết luận phải nêu rõ: điểm đánh giá đề án mở ngành đào tạo (đánh giá là đạt nếu điểm trung bình từ 70 điểm trở lên theo thang điểm 100 điểm, thấp hơn 70 điểm là không đạt); Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua đề án mở ngành đào tạo và nêu lý do.

Điều 11. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo, ĐHQG-HCM/CSĐT phải tổ chức Hội đồng thẩm định, hoàn thiện hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng. Hồ sơ bao gồm:

a) Đề án mở ngành đào tạo đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

b) Biên bản; phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định.

c) Văn bản giải trình về các nội dung đã được điều chỉnh, bổ sung theo góp ý và có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

2. Đối với CSĐT có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành và các quy định khác có liên quan của pháp luật, được thực hiện như sau:

a) Hiệu trưởng CSĐT quyết định việc mở ngành đào tạo của CSĐT đối với các ngành, các trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

b) Hiệu trưởng CSĐT quy định cụ thể việc gửi hồ sơ mở ngành đào tạo để báo cáo ĐHQG-HCM và quyết định mở ngành đào tạo.

3. Đối với CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên được thực hiện như sau:

a) CSĐT gửi hồ sơ mở ngành đào tạo về ĐHQG-HCM.

b) ĐHQG-HCM tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, phê duyệt mở ngành đào tạo. Riêng đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên, ĐHQG-HCM gửi hồ sơ đến Bộ GD&ĐT để thực hiện thẩm định và phê duyệt theo quy định.

c) Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho CSĐT.

Điều 12. Đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo

1. CSĐT bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành đã được mở khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của CSĐT ở một trong các trường hợp sau:

a) Tự chủ mở ngành đào tạo khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Tự chủ mở ngành đào tạo khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo theo quy định tại Quy định này).

c) Không thực hiện cam kết theo khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

2. CSĐT vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này sẽ bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo theo quy định.

3. CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của CSĐT và không được tự chủ mở ngành đào tạo trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của CSĐT.

4. Sau thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động ngành đào tạo được khắc phục và CSĐT bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, Bộ GD&ĐT/ĐHQG-HCM quyết định cho phép ngành đào tạo hoạt động trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo mà chưa được Bộ GD&ĐT/ĐHQG-HCM quyết định cho phép ngành đào tạo hoạt động trở lại, nếu CSĐT muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, CSĐT phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy định của Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Đối với ngành đào tạo đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ) CSĐT không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này của CSĐT hết hiệu lực. Nếu CSĐT muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, CSĐT phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo theo quy định của Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của ĐHQG-HCM

1. Chỉ đạo, hướng dẫn CSĐT thực hiện xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo theo Quy định này.

2. Xét duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

3. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo đối với CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo.

4. Tổ chức kiểm tra quá trình thực hiện xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo tại CSĐT. Trong trường hợp cần thiết, ĐHQG-HCM sẽ tổ chức kiểm tra, thẩm định lại các điều kiện đảm bảo chất lượng tại CSĐT nếu như phát hiện có sự gian lận trong quá trình xây dựng, thẩm định và triển khai thực hiện ngành đào tạo tại CSĐT.

5. Thanh tra và xử lý các sai phạm nếu CSĐT vi phạm Quy định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. ĐHQG-HCM báo cáo Bộ GD&ĐT về việc mở ngành đào tạo của các CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo sau khi phê duyệt mở ngành đào tạo.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của CSĐT trên cơ sở tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo và các quy định quản lý nội bộ, cụ thể hóa và có thể yêu cầu cao hơn nhưng không trái với các quy định của Quy định này; quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, đơn vị, cá nhân trong các hoạt động mở ngành đào tạo và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động mở ngành đào tạo.

2. Tổ chức triển khai thực hiện đúng cam kết theo đề án mở ngành đào tạo.

3. Thực hiện trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 33; công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018).

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra, của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

5. Thực hiện giải trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. CSĐT báo cáo Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM về việc mở ngành đào tạo của đơn vị sau khi phê duyệt mở ngành đào tạo.

7. Các ngành đào tạo thí điểm, sau 02 khóa tốt nghiệp, CSĐT phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, chất lượng và hiệu quả đào tạo, việc làm của người học sau khi đào tạo, ý kiến của người sử dụng lao động về chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực và báo cáo ĐHQG-HCM đề nghị Bộ GD&ĐT bổ sung tên ngành đào tạo thí điểm vào Danh mục ngành đào tạo.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. CSĐT vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng CSĐT và những người trực tiếp vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về xây dựng, thẩm định mở ngành đào tạo.

b) Không lưu trữ các văn bản, tài liệu minh chứng cho việc triển khai thực hiện mở ngành đào tạo tại CSĐT theo Quy định này.

Điều 16. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo, CSĐT báo cáo ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT (trừ các ngành do Bộ GD&ĐT quyết định) hoặc ĐHQG-HCM báo cáo Bộ GD&ĐT (đối với mở ngành đào tạo của các CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo):

a) Quyết định mở ngành đào tạo.

b) Đề án mở ngành đào tạo.

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của CSĐT đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, CSĐT phải báo cáo ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT, việc CSĐT đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của CSĐT, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 5 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên và lĩnh vực Pháp luật hoặc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, CSĐT báo cáo về ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM báo cáo Bộ GD&ĐT đối với mở ngành đào tạo của các CSĐT chưa đủ điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo, mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện chương trình đào tạo về quyết định mở

ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của CSĐT, theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. CSĐT có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. CSĐT công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học như sau:

a) Công khai Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của CSĐT trên trang thông tin điện tử của CSĐT ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện.

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của ĐHQG-HCM, CSĐT phải công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành đào tạo.

- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương chương trình đào tạo; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập.

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của CSĐT vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. CSĐT chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này. Trong các trường hợp đặc biệt, CSĐT báo cáo ĐHQG-HCM xem xét quyết định./.

Phụ lục I

MẪU ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
(Cơ sở đào tạo: .....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH .....

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về CSĐT

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

3. Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

a) Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

b) Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).

c) Loại hình đào tạo:

d) Thời gian đào tạo:

đ) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân/Kỹ sư/Kiến trúc sư/Bác sĩ/Dược sĩ; ...

+ Tiếng Anh:

e) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a) Đối tượng tuyển sinh

b) Phương thức tuyển sinh

c) Tổ hợp môn xét tuyển

d) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

3.3. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung (xác định mục tiêu của CTĐT về: năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, …) gọi là cấp độ 1-X

b) Mục tiêu cụ thể (cụ thể hóa từ mục tiêu chung, gọi là cấp độ 2-X.x)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1…

2. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

2.1….

3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1…

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1. …

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể X.x)

TT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1		
1.1.1		
	…	
2.	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1		
2.1.1		
	…	
3.	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1		
3.1.1		
	…	
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1		
4.1.1		

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

3.5. Ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

3.7. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

3.8. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: .... tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		
II	Khối kiến thức cơ sở ngành		
III	Kiến thức chuyên ngành		
IV	Kiến thức bổ trợ		
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp		
	Tổng cộng		

3.9. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Tên MH	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
			Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I		Kiến thức giáo dục đại cương							

TT	Tên MH	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
			Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
			Lý luận chính trị						
			Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						
			Ngoại ngữ						
			Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường						
			Kinh tế - Quản lý						
II		Kiến thức cơ sở ngành							
III		Kiến thức chuyên ngành							
IV		Kiến thức bổ trợ							
V		Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp							
		Tổng số (tín chỉ)							

Ghi chú:

- (**): Ghi tên PTN. Nếu sử dụng chung PTN do CSĐT khác quản lý phải ghi rõ tên CSĐT và đính kèm thỏa thuận cho phép sử dụng PTN.

- Số thứ tự của các môn học được đánh số tăng dần.

3.10. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

3.11. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)	Ghi chú
		Tiếng việt	Tiếng Anh (*)		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm		
I (tổng số tín chỉ)									
	Tổng số (tín chỉ)								

Ghi chú:

- (*): Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh

- (**): Ghi tên PTN.

3.12. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

Học kỳ	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
		2.1		3.1		4.1	
		2.1.1	...	3.1.1	...	4.1.1	...
I.							
II.							

3.13. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo)

Tên môn học (tiếng Việt, tiếng Anh):

- Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)

- Điều kiện tiên quyết/môn học trước: (để học được môn học này người học phải hoàn thành các môn nào?)

- Mô tả nội dung môn học: nêu tóm tắt nội dung môn học, mục tiêu môn học đề ra, ...

3.14. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

3.15. Cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

3.16. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

3.17. Danh sách cố vấn học tập

3.18. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú

3.19. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

4. Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CSĐT và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, CSĐT và các bên liên quan.

5. Các minh chứng kèm theo đề án gồm:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của ĐHQG-HCM.

b) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng/Tổ soạn thảo, Nghị quyết/biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo CSĐT thông qua chương trình đào tạo.

c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định

d) Danh sách về giảng viên, về kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Mục 1, Mục 2 Phụ lục VI Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Đề cương chi tiết môn học: xây dựng theo quy định tại Phụ lục VII Quy định này, có xác nhận của trưởng khoa phụ trách môn học.

e) Lý lịch khoa học của giảng viên: xây dựng theo quy định Phụ lục VIII Quy định này, có chữ ký của người khai.

g) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo Mục 3 Phụ lục VI Quy định này Quy định này.

h) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

i) CSĐT quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của CSĐT trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào

tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của CSĐT.

k) Bản nhận xét của các chuyên gia, các nhà quản lý và đại diện các tổ chức bên ngoài

l) Biên bản hội thảo để lấy ý kiến xây dựng chương trình đào tạo do CSĐT tổ chức hoặc hội thảo do đơn vị khác tổ chức mà CSĐT có tham gia báo cáo về chương trình đào tạo hoặc bảng tổng hợp kết quả khảo sát, lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo.

m) Bản so sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước (ít nhất 02 chương trình của nước ngoài): nêu rõ % tín chỉ tương đương và có phân tích những điểm giống, khác nhau giữa hai chương trình.

n) Biên bản ký kết hợp tác về nơi thực tập cho sinh viên với ít nhất 02 đơn vị.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(Cơ sở đào tạo: .....)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH .....

TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về CSĐT

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt; các căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

a) Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

b) Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).

c) Loại hình đào tạo:

d) Loại chương trình, phương thức đào tạo:

đ) Thời gian đào tạo, số tín chỉ yêu cầu:

e) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

g) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a) Phương thức tuyển sinh:

b) Đối tượng tuyển sinh:

c) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

d) Môn thi tuyển sinh (nếu có):

đ) Học bổ sung kiến thức:

3.3. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu tổng quát: xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức kỹ năng đào tạo, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, ...

- Mục tiêu cụ thể: cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực hực hành nghề nghiệp, ...

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Stt	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1		
1.1.1		
	...	
2.	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1		
2.1.1		
	...	
3.	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1		
3.1.1		
	...	
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1		
4.1.1		

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả

3.5. Nội dung chương trình đào tạo:

a) Khái quát chương trình: nêu rõ các học phần và số tín chỉ yêu cầu học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:

Phần kiến thức chung.

Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành:

+ Các học phần bắt buộc.

+ Các học phần lựa chọn.

Luận văn/Đề án tốt nghiệp.

b) Danh mục các môn học: liệt kê toàn bộ các môn học thuộc nội dung CTĐT theo các đề mục: mã số môn học, tên môn học, khối lượng tính bằng tín chỉ (lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc tiểu luận). Riêng môn học ngoại ngữ cần ghi rõ tên ngoại ngữ).

Mã số môn học do CSĐT xây dựng nhằm phục vụ cho việc quản lý CTĐT. Có thể dùng chữ và số hoặc số để mã hóa học phần/môn học, số ký tự mã hóa do CSĐT quy định.

Danh mục các môn học

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, tài liệu
			Khối kiến thức chung (bắt buộc) - Triết học - Ngoại ngữ ...			
			Phần kiến thức cơ sở và ngành			
			Các học phần bắt buộc			
			- ..... -			
			Các học phần lựa chọn			
			- ..... -.....			
			Luận văn thạc sĩ			
			Tổng cộng:			

c) Ma trận các môn học và kỹ năng

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

Học kỳ	Tên môn học	Mã số học phần/ môn học	Chuẩn đầu ra					
			2.1		3.1		4.1	
			2.1.1	...	3.1.1	...	4.1.1	...
1.								
2.								

d) Đề cương chi tiết môn học: xây dựng theo quy định tại Phụ lục VII Quy định này, có xác nhận của trưởng khoa phụ trách môn học.

đ) Thông tin khác: nếu sử dụng chương trình đào tạo của một trường đại học khác hoặc chương trình đào tạo của nước ngoài, cần nêu rõ là chương trình đào tạo của trường đại học nào, nước nào (đối với chương trình đào tạo của nước ngoài) và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

3.6. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.

3.7. Cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.

3.8. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

3.9. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo.

4. Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CSĐT và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, CSĐT và các bên liên quan.

5. Các minh chứng kèm theo đề án:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của ĐHQG-HCM.

b) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng/Tổ soạn thảo, Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; Nghị quyết/biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo CSĐT thông qua chương trình đào tạo.

c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

d) Danh sách về giảng viên, về kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Mục 1, Mục 2 Phụ lục VI Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Lý lịch khoa học của giảng viên: xây dựng theo quy định Phụ lục VIII Quy định này, có chữ ký của người khai.

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo Mục 3 Phụ lục VI Quy định này Quy định này.

g) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

h) CSĐT quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của CSĐT trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của CSĐT.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

MẪU ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
(Cơ sở đào tạo:.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH .....

TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về CSĐT

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt; các căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

a) Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

b) Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).

c) Loại hình đào tạo:

d) Loại chương trình, phương thức đào tạo:

đ) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

e) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a) Phương thức tuyển sinh:

b) Đối tượng tuyển sinh:

c) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

3.3. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu của chương trình đào tạo: khái quát kiến thức và kĩ năng trang bị cho người học về chuyên ngành; năng lực nghiên cứu khoa học đạt được sau quá trình đào tạo và vị trí công tác của người học sau khi tốt nghiệp.

- Yêu cầu đối với người học.

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Stt	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1		
1.1.1		
	...	
2.	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1		
2.1.1		
	...	
3.	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1		
3.1.1		
	...	
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1		
4.1.1		

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả

3.5. Nội dung chương trình đào tạo:

a) Khái quát chương trình: nêu rõ các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án và số tín chỉ yêu cầu người học phải hoàn thành.

b) Danh mục học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề

Mã số môn học/học phần do CSĐT xây dựng nhằm phục vụ cho việc quản lý CTĐT.

Danh mục các học phần/môn học

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, tài liệu
1						
...						
			Tổng cộng:			

c) Đề cương môn học: theo mẫu quy định tại Phụ lục VII.

d) Thông tin khác: nếu sử dụng chương trình đào tạo của một trường đại học khác hoặc chương trình đào tạo của nước ngoài, cần nêu rõ là chương trình đào tạo của trường đại học nào, nước nào (đối với chương trình đào tạo của nước ngoài) và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

3.6. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.

3.7. Cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.

3.8. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

3.9. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo.

4. Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu đang thực hiện, có khả năng nhận nghiên cứu sinh và số lượng nghiên cứu sinh có khả năng tiếp nhận hàng năm; họ tên người hướng dẫn cho từng đề tài nghiên cứu

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh	Số lượng nghiên cứu sinh có thể nhận
1			
2			
...			

5. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CSĐT và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, CSĐT và các bên liên quan.

6. Các minh chứng kèm theo đề án:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của ĐHQG-HCM.

b) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng/Tổ soạn thảo, Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; Nghị quyết/biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo CSĐT thông qua chương trình đào tạo.

c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

d) Danh sách về giảng viên, về kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Mục 1, Mục 2 Phụ lục VI Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Lý lịch khoa học của giảng viên: xây dựng theo quy định Phụ lục VIII Quy định này, có chữ ký của người khai.

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo Mục 3 Phụ lục VI Quy định này Quy định này.

g) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

h) CSĐT quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của CSĐT trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của CSĐT.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023

của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(Cơ sở đào tạo:.....)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN NHẬN XÉT

HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: .....
- Bậc đào tạo: .....
- Mã ngành: .....
- Đơn vị đào tạo: ....., Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên:.....Mã số thuế/CMND: .....

2. Chức vụ hiện tại:.....Đơn vị công tác: .....

3. Học hàm - học vị: ☐ GS;☐ PGS;☐ TS;☐ ThS; Khác.....

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

.....

.....

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

.....

.....

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo)

.....

.....

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

.....

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.....

.....

.....

.....

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

7. Phương án, giải pháp dề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

8. Các minh chứng kèm theo đề án.

.....

.....

.....

9. Ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cán bộ thẩm định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục V

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023

của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
(Cơ sở đào tạo:.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo:
- Bậc đào tạo:
- Mã ngành:
- Đơn vị đào tạo:

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: Số CMND: .....
3. Chức vụ hiện tại: .....
4. Đơn vị công tác: .....
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☐ ThS; khác .....
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, …)	10		
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20		
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40		
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15		
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,…);	15		
	Tổng cộng	**100**		

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): □

2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: □

Lý do .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

Cán bộ thẩm định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
(Cơ sở đào tạo: .....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:

Mã ngành:

Trình độ đào tạo:

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	092066001879 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061 873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B	064071007451	PGS, 2015	TS, Hà Lan,	Công nghệ	X	15/11/2010,	HC893527818	8	3	12	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
	20/12/1971	Việt Nam		2009	chế biến thủy sản		Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	012345				
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1		
2		

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), tên bài viết, tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang.

- Tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.

- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (năm xuất bản), Tiêu đề bài viết [trong] tên kỷ yếu, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo.

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
(Cơ sở đào tạo: .....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

(Tiếng Việt hoặc tiếng Anh)

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt

+ Tiếng Anh

- Mã số môn học:

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

Kiến thức cơ bản | Kiến thức cơ sở ngành
Kiến thức chuyên ngành | Kiến thức khác
Môn học chuyên về kỹ năng chung | Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

Lý thuyết

Thực hành

- Môn học tiên quyết/Môn học trước:

- Môn học song hành:

2. Mô tả môn học

(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Tên tác giả (năm xuất bản), Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản

...

Tài liệu khác:

[1] Tên tác giả (năm xuất bản), Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản

...

Phần mềm:

[..] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm.

...

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	**Mô tả mục tiêu (2)**	**CĐR của môn học (X.x.x) (3)**	**TĐNL (4)**
G1		X.x.x	
		...	
G2		X.x.x	
		...	
G3		X.x.x	
		...	
...			

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1		
…		
G1.1		
…		
Gx.x		
…		

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CĐR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1		
	A1.2		
	…		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1		
	…		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1		
	…		

(1): các thành phần đánh giá của môn học.

(2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá.

(4): tiêu chí đánh giá.

(5): chuẩn đánh giá

(6): tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết: các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học).

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	**Chương I:** 1.1 …. 1.2 … …	Gx.x …	Dạy: … Học ở lớp: … Học ở nhà: …	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
…	Bài thực hành 1: …	Gx.x …	Dạy: … Học ở lớp: … Học ở nhà: …	Ax.x …
…				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ …)

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn:

- Địa chỉ và email liên hệ:

....., ngày ... tháng ... năm .....

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục VIII

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Thông tin trong 5 năm gần nhất và có liên quan trực tiếp đến đề tài/dự án đăng ký)

I. Thông tin chung

1. Họ và tên: ..... Giới tính: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nơi sinh: .....

3. Quê quán: ..... Dân tộc: .....

4. Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): .....

5. Nơi đang công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): .....

Trường/viện: .....

Phòng/ Khoa: .....

Bộ môn: .....

Phòng thí nghiệm: .....

6. Học vị cao nhất: ..... Năm, nước nhận học vị: .....

7. Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm: .....

8. Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: .....

9. Điện thoại liên hệ: CQ: ..... NR: ..... DĐ: .....

Fax: ..... Email: .....

10. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1													
2													

11. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ…đến…		
Từ…đến…		

12. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học				
Thạc sĩ				
Tiến sĩ				
Tiến sĩ Khoa học				

13. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

13.1. Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:
- Chuyên ngành:
- Chuyên môn:

13.2. Hướng nghiên cứu:

- .....
- .....

II. Nghiên cứu và giảng dạy

1. Đề tài/dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1				Đại học	
2				Thạc sĩ	
3				Tiến sĩ	

III. Các công trình đã công bố

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

IV. Các giải thưởng

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. Thông tin khác

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của cơ quan

....., ngày ... tháng ... năm .....

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)